| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH KIÊN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 49/2021/DS-PT
Ngày: 09/4/2021
V/v:"Yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Quang Tấn
*Các Thẩm phán*: Ông Võ Thanh Huyến
Ông Phạm Sanh Hiền

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Nàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa***: Bà Đào Thị Ngọc Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2021/TLPT-DS ngày 01 tháng 3 năm 2021 về Yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 100/2020/DS-ST ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 44/2021/QĐ-PT ngày 09 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Bà Đinh Thị T, sinh năm 1969 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp S, xã N, huyện H, tỉnh Kiên Giang

***Bị đơn:*** Ông Vũ Văn Đ, sinh năm 1988 (Có mặt)

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*** Bà Đinh Thị N, sinh năm 1989 (Có mặt);

Cùng địa chỉ: ấp H, xã N, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1979 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Đinh Thị T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**:

**** Nguyên đơn bà Đinh Thị T trình bày:***

Bà có thửa đất nông nghiệp diện tích 12.000m$^2$, thửa 8a, tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại ấp S (nay là ấp H), xã N, huyện H, tỉnh Kiên Giang, nguồn gốc đất do bà nhận chuyển nhượng của ông B (không rõ họ tên cụ thể) hơn 20 năm, được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/8/2004 đứng tên Đinh Thị T. Khi nhận chuyển nhượng thì ruộng của bà phía giáp ông Danh T có 01 cái bờ do ông B đào sẵn có chiều ngang 0.3m, cao 0.4m dài từ mặt tiền kênh 8.5 đến hậu đất dài khoảng 290m.

Vào ngày 30/4/2018, bà vào thăm ruộng thì phát hiện ông Đ ủi mất toàn bộ cái bờ ruộng, bà kêu ông Đ vào nói chuyện và yêu cầu đắp trả lại cái bờ ruộng như cũ nhưng ông Đ không đồng ý, bà đem cắm 03 cái trụ đá, cắm từ đầu đất, giữa đất đến cuối đất bên phần gốc rạ ruộng của bà Đ cho ông Đ đắp trả lại cái bờ ruộng như cũ nhưng ông Đ không đắp, bà gởi đơn đơn yêu cầu xã N giải quyết nhưng ông Đ cho rằng mua đất của ông H chiều ngang 05m nên không đồng ý đắp trả lại cái bờ cho bà nên bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Vũ Văn Đ thực hiện công việc khôi phục lại cái bờ ruộng chiều ngang 0.3m, cao 0.4m, dài 290m từ mí cọc đá hiện tại ra phía đất ông Đ ủi, bà khẳng định không tranh chấp đất đai với ông Đ vì ông Đ không có đất giáp ranh với bà. Ngoài ra bà không yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà T nộp tờ trình bày bổ sung vì bà không biết chữ và yêu cầu Bản án thể hiện đúng các nội dung như sau: lý do tôi không đóng tiền:

- Tôi không phải tranh chấp đất với ông Đ, ông Đ không có đất ở đây, ông Đ mới có tạm thời đánh biến động chứ chưa làm chủ quyền sở hữu đất này. Nếu tôi thưa về tranh chấp đất với ông Đ thì Tòa án cho rằng tôi kiện ông Đ là không đúng đối tượng, bởi vì ông Đ chưa được cơ quan Nhà nước nào công nhận ông Đ làm chủ sở hữu đất này.

- Nếu ông Đ mua đất này của ai, mua tới đâu, ranh giới tới đâu, ai là người ký giáp ranh đất với ông Đ. Vậy đã có cơ quan nào vào đo đạc chưa và ai đã ký giáp ranh, sơ đồ bản vẽ có chưa thì phải đem ra.

- Ai là người bán đất cho ông Đ thì gọi người đó ra.

- Ông Đ là người không có đất giáp ranh với đất của tôi mà ngang nhiên ủi mất cái bờ ruộng của tôi thì phải đắp trả lại cái bờ cũ cho tôi. Tòa án cho rằng trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã đánh biến động rồi là đất này của ông Đ là chưa đúng. Vì đánh biến động là xác nhận có mua bán tạm thời chưa được cơ quan Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, vẫn còn người khác đứng tên (yêu cầu Tòa án xem lại giấy) ông Đ chưa nộp thuế, chưa sang tên trích bạ chưa được Ủy ban nhân dân huyện và tỉnh cấp giấy chứng nhận thì đất này làm sao của ông Đ được.

*Bị đơn ông Vũ Văn Đ trình bày như sau:*

Năm 2017 gia đình ông có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn H và bà Vũ Thị Mỹ C thửa đất 2a, tờ bản đồ số 2, diện tích 15.428m$^2$ – Đất chuyên trồng lúa, đất chuyển nhượng được Ủy ban nhân dân huyện H cấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 462473, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất NT00013/132/QĐ-UB ngày 10/01/2008 đứng tên bà Vũ Thị Mỹ C, việc chuyển nhượng đúng quy định của pháp luật và được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện H chứng nhận biến động vào ngày 10/01/2018 đứng tên bà Đinh Thị N là vợ ông. Sau khi nhận chuyển nhượng ông cho máy ủi cái bờ và mương nước có chiều ngang 5m, dài 494m trong đó có 01 phần giáp đất bà T thì bà T cho rằng ông ủi mất cái bờ ruộng có chiều ngang 0.3m, cao 0.4m dài hết đất bà T và bà T và yêu cầu ông đắp trả lại cái bờ nhưng ông không đồng ý vì bờ và mương ông ủi thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông, bà T không có bờ giáp ranh mà dựa vào bờ của gia đình ông.

Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị T về việc yêu cầu ông đắp lại bờ ruộng chiều ngang 0.3m, chiều cao 0.4m, chiều dài 290m từ mí cọc đá hiện tại ra phía đất của gia đình ông. Phần đất ông ủi nằm hoàn toàn trong thửa đất 2a, tờ bản đồ số 2, diện tích 15.428m$^2$ được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện H chứng nhận biến động vào ngày 10/01/2018 đứng tên bà Đinh Thị N. Ngoài ra ông không trình bày và không có yêu cầu gì thêm.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị N trình bày.*

Bà là vợ của ông Vũ Văn Đ, phần diện tích đất 15.428m$^2$, thửa số 2a, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp H, xã N, huyện H, tỉnh Kiên Giang có nguồn gốc gia đình bà nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn H và bà Vũ Thị Mỹ C, được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện H chứng nhận biến động vào ngày 10/01/2018 đứng tên bà. Sau khi nhận chuyển nhượng chồng bà tiến hành san lấp mương bờ Đ làm ruộng, phần đất san lấp chiều ngang đúng 05m chứ không lấn ranh của bà Đinh Thị T, hiện gia đình bà đang sử dụng ổn định không có ai tranh chấp ranh giới đất với gia đình, việc bà T khởi kiện yêu cầu chồng bà đắp lại cái bờ từ mí cọc đá hiện tại ra phía đất của gia đình bà thì bà không đồng ý vì đắp như vậy lấn vào đất của gia đình bà. Ngoài ra bà không có yêu cầu và không trình bày gì thêm.

**Bản án dân sự sơ thẩm số 100/2020/DS-ST ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:**

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị T đối với ông Vũ Văn Đ.

2. Bác yêu cầu của bà Đinh Thị T yêu cầu ông Vũ Văn Đ thực hiện công việc khôi phục lại bờ ruộng có chiều ngang 0.3m, chiều cao 0.4m, chiều dài 290m.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần án phí và báo quyền kháng cáo của các đương sự.

**Ngày 31/12/2020 nguyên đơn bà Đinh Thị T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung**:

Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu của bà là chưa đúng quy định của pháp luật, bản án chưa thuyết phục, chưa vững chắc; Tòa án thụ lý vụ kiện về quan hệ tranh chấp là yêu cầu bồi thường ngoài hợp đồng, nhưng khi đưa ra xét xử lại cho rằng tranh chấp quyền sử dụng đất, Tòa án áp dụng căn cứ này bác khởi kiện của bà là

chưa chính xác vì ông Đ bà N là người mua đất giáp ranh với đất của bà, không biết ông Đ mua đến đâu và mua của ai nhưng ngang nhiên thuê máy ủi bỏ hết bờ ruộng của bà. Việc ông Đ mua đất chưa sang tên trích bạ, chưa nộp thuế…mới chỉ điều chỉnh biến động trong giấy chứng nhận QSD đất mà Tòa cho rằng ông Đ bà N đã có giấy chứng nhận QSD đất hợp lệ.

Tòa sơ thẩm buộc bà nộp tiền đo vẽ và thẩm định tại chỗ bà không đồng ý vì bà yêu cầu bồi thường đắp lại bờ ruộng, không yêu cầu giải quyết tranh chấp đất với ông Đ vì ông Đ không có đất giáp ranh đất của bà.

Ông Nguyễn Văn H là người bán đất cho ông Đ bà N nhưng Tòa xác định ông H tham gia với tư cách người làm chứng là chưa đúng mà phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mới đúng quy định pháp luật. Tòa xét xử không triệu tập ông H để trình bày bán đất cho ông Đ đến đâu, ranh như thế nào, ông H là người liên quan quan trọng trong vụ kiện nhưng không được Tòa làm rõ.

Bà yêu cầu hủy toàn bộ bản án số 100/2020/DS-ST ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H, trả hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Đinh Thị T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không tự hòa giải với nhau được, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến kết luận vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng Điều 311 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy bản án dân sự sơ thẩm số 100/2020/DS-ST ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang và đình chỉ giải quyết vụ án.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn bà Đinh Thị T khởi kiện yêu cầu ông Vũ Văn Đ thực hiện công việc khôi phục lại cái bờ ruộng chiều ngang 0.3 mét, cao 0.4 mét, dài 290 mét do ông Đ ủi bờ ruộng nằm trong quyền sử dụng đất của bà. Bị đơn ông Vũ Văn Đ không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà T và cho rằng phần đất ông ủi nằm hoàn toàn trong thửa đất 2a, tờ bản đồ số 2, diện tích 15.428m$^2$ được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện H chứng nhận biến động vào ngày 10/01/2018 đứng tên bà Đinh Thị N là vợ ông Đ.

[2] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Đinh Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đinh Thị T khẳng định bà chỉ khởi kiện yêu cầu ông Đ khôi phục lại bờ ruộng chiều ngang 0.3 mét, chiều cao 0.4 mét, dài 290 mét, bà không tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Đ. Tuy nhiên từ khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án, bà T chưa cung cấp được đầy đủ chứng cứ thể hiện bờ ruộng (cụ thể là quyền sử dụng đất) mà bà T yêu cầu bị đơn khôi phục hiện trạng nằm trong Giấy chứng nhận QSD đất do bà T đứng tên nên thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà T. Tòa án cấp sơ thẩm đã hướng dẫn để bà T khởi kiện bổ sung tranh chấp quyền sử dụng đất nhưng bà T khẳng định bà không tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Đ vì cho rằng ông Đ không có đất giáp ranh với phần đất của bà.

Tại cấp sơ thẩm bị đơn ông Đ cung cấp chứng cứ là Giấy chứng nhận QSD đất số AK 642473 do bà Đinh Thị N là vợ ông Đ đứng tên, do nhận chuyển nhượng từ bà Vũ Thị Mỹ C, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H xác nhận vào ngày 04/01/2018, kèm theo GCN QSD đất là sơ đồ thể hiện thửa đất của bà N nhận chuyển nhượng từ bà C giáp ranh với phần đất của bà T đang sử dụng.

Xét thấy theo yêu cầu khởi kiện của bà T, chưa đủ chứng cứ để giải quyết mà cần phải thực hiện thủ tục xem xét, thẩm định tại chỗ để thu thập chứng cứ xác định quyền sử dụng đất (bờ ruộng) bà T yêu cầu khôi phục có nằm trong diện tích đất do bà T đứng tên, có phải là tài sản thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà T hay không mới có cơ sở giải quyết yêu cầu của bà T. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành Thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng: số 01/TB-TA, ngày 15/01/2009 (BL 34); số 03/TB-TA, ngày 08/7/2019 (BL 53) cho bà Đinh Thị T; Thông báo nộp thủ tục xem xét thẩm định tại chỗ số 02/TB-TA (BL 42) ngày 08/5/2019; Thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng số 02 Ngày 08/7/2019 (BL 48) cho ông Vũ Văn Đ, tuy nhiên bà T, ông Đ đều không thực hiện.

Xét thấy bà T là nguyên đơn nên phải có nghĩa vụ tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nhưng bà T không thực hiện, do đó Tòa án không thu thập được chứng cứ làm căn cứ giải quyết vụ án. Lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm phải căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của bà T. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm lại tuyên xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với kháng cáo của bà T cho rằng cần triệu tập ông H tham gia vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đồng thời không triệu tập ông H khi xét xử vụ án là vi phạm. Xét thấy ông H là người chuyển nhượng đất cho ông Đ, việc tranh chấp giữa bà T và ông Đ không liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của ông H, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông H là người làm chứng là phù hợp. Hơn nữa bị đơn ông Đ cũng đã cung cấp chứng cứ là giấy chứng nhận QSD đất do vợ ông Đ là bà N đứng tên có thể hiện sơ đồ vị trí thửa đất của bà N, nên việc triệu tập ông H tham gia phiên tòa theo kháng cáo của bà T là không cần thiết.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo thuận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham

gia phiên tòa, không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Đinh Thị T. Hủy bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang và đình chỉ giải quyết vụ án.

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí số tiền 300.000đ, khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu của cơ quan thi hành án.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà T không phải chịu, được nhận lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ đã nộp theo biên lai thu của cơ quan thi hành án.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 217; khoản 1,3 Điều 218, khoản 4 Điều 308; Điều 311 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Đinh Thị T.

*Phần tuyên xử:*

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 100/2020/DS-ST ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang và đình chỉ giải quyết vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 30/2021/TLPT-DS ngày 01 tháng 3 năm 2021 về việc "Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm" giữa nguyên đơn bà Đinh Thị T với bị đơn ông Vũ Văn Đ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà bà Đinh Thị N.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Đinh Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006873 ngày 18/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đinh Thị T không phải chịu, được nhận lại 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001452 ngày 31/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9

Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện H;
- THA huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Quang Tấn**